VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chế độ hỗ trợ và một số chế độ đãi ngộ khác đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài

Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ quy định chế độ hỗ trợ và một số chế độ đãi ngộ khác đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005; Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH 13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chế độ hỗ trợ và một số chế độ đãi ngộ khác đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài.[1]

---

[1] Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chế độ hỗ trợ và một số chế độ đãi ngộ khác đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài; hồ sơ, thẩm quyền, quy trình giải quyết chế độ hỗ trợ, một số chế độ đãi ngộ khác và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Điều 2. Đối tượng và điều kiện áp dụng

1. Người đã có quyết định công nhận là người có công với cách mạng thuộc diện hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp hằng tháng (bao gồm cả thân nhân của liệt sĩ được hưởng trợ cấp hằng tháng) theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng, đang định cư ở nước ngoài nhưng bị dừng hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hằng tháng do hoạch định biên giới Quốc gia.

2. Người tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ đang định cư ở nước ngoài, gồm:

a) Quân nhân, công nhân viên quốc phòng tham gia kháng chiến chống Pháp nhập ngũ hoặc tuyển dụng vào Quân đội trước ngày 20 tháng 7 năm 1954 đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ ngày 31 tháng 12 năm 1960 trở về trước;

b) Quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhập ngũ, tuyển dụng từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc trước ngày 01 tháng 4 năm 2000 (bao gồm cả đối tượng đi học tập, lao động hợp tác quốc tế đang định cư ở nước ngoài);

c) Dân quân tập trung ở miền Bắc, trực tiếp làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 1964 đến ngày 27 tháng 01 năm 1973 (đối với dân quân tập trung thuộc các xã giáp ranh bên bờ Bắc sông Bến Hải trên vĩ tuyến 17 và các xã nằm trong khu phi quân sự trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975);

d) Du kích tập trung (bao gồm cả lực lượng mật) tham gia hoạt động cách mạng, chiến đấu, phục vụ chiến đấu tại các chiến trường B, C, K từ tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975;

đ) Cán bộ dân chính đảng ở miền Nam tham gia hoạt động cách mạng, chiến đấu, phục vụ chiến đấu tại các chiến trường B, C, K từ tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

e) Thanh niên xung phong tham gia kháng chiến trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 1950 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 (bao gồm cả thanh niên xung phong cơ sở miền Nam tham gia kháng chiến trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 1965 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975).

3. Người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài, gồm:

a) Quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, nhập ngũ, tuyển dụng vào quân đội, công an, cơ yếu sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở biên giới phía Bắc trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 1979 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988, biên giới Tây Nam từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 07 tháng 01 năm 1979, truy quét Ful rô từ tháng 5 năm 1975 đến tháng 12 năm 1992, thuộc địa bàn các huyện biên giới, các tỉnh Tây Nguyên và các huyện tiếp giáp huyện biên giới có xảy ra chiến sự (bao gồm cả các huyện đảo biên giới và khu vực Hoàng Sa, Trường Sa, DK 1); hoặc tham gia làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia từ tháng 01 năm 1979 đến ngày 31 tháng 8 năm 1989, hoặc giúp bạn Lào từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988, đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc trước ngày 01 tháng 4 năm 2000 hoặc chuyển ngành sau đó thôi việc trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 (bao gồm cả đối tượng đi học tập, lao động hợp tác quốc tế đang định cư ở nước ngoài);

b) Công nhân, viên chức quốc phòng, công nhân, viên chức công an, công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn dân quân tự vệ, công an xã do chính quyền cấp xã tổ chức và quản lý; thanh niên xung phong tập trung sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, thôi việc trước ngày 01 tháng 01 năm 1995, có thời gian trực tiếp tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở biên giới phía Bắc, Tây Nam, truy quét Ful rô hoặc làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào, Campuchia trong khoảng thời gian và địa bàn như đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản này.

4. Dân công hỏa tuyến, được Ủy ban hành chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trở lên hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền huy động, quản lý tập trung và được giao nhiệm vụ phục vụ chiến đấu cho các đơn vị Quân đội hoặc phục vụ tại các chiến trường trong thời gian và địa bàn sau đây, đang định cư ở nước ngoài:

a) Tham gia kháng chiến chống Pháp từ tháng 9 năm 1945 đến ngày 20 tháng 7 năm 1954; chống Mỹ từ sau ngày 20 tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, địa bàn thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi cả nước và ở Lào, Campuchia;

b) Tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế trong khoảng thời gian và địa bàn như quy định đối với đối tượng tại khoản 3 Điều này.

5. Thân nhân của đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, bao gồm: Bố đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp theo quy định của pháp luật.

6. Thân nhân quy định tại khoản 5 Điều này ở trong nước được đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này ủy quyền lập hồ sơ, nhận chế độ, chính sách (sau đây gọi chung là người được ủy quyền).

Điều 3. Đối tượng và điều kiện không áp dụng

Nghị định này không áp dụng đối với các đối tượng có một trong các điều kiện sau đây:

1. Không đủ điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị định này;

2. Tham gia các hoạt động chống phá chế độ, Đảng, Nhà nước ta;

3. Đào ngũ; phản bội; chiêu hồi; đã bị kết án về một trong các tội về xâm phạm an ninh quốc gia; bị tước danh hiệu quân nhân, công an nhân dân, buộc thôi việc;

4. Đối tượng quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 2 Nghị định này trước khi định cư ở nước ngoài thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động hằng tháng;

5. Đối tượng đã từ trần nhưng không có hoặc không còn thân nhân quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định này.

Điều 4. Chế độ hỗ trợ

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này:

a) Đối với đối tượng còn sống: Chế độ hỗ trợ được tính từ (tháng, năm) dừng hưởng đến (tháng, năm) có quyết định thực hiện chế độ hỗ trợ của cấp có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này. Cách tính như sau: A = (B - C) x D.

Trong đó: A là mức hỗ trợ; B là thời điểm (tháng, năm) có quyết định hỗ trợ; C là thời điểm (tháng, năm) đối tượng dừng hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp hằng tháng; D là mức trợ cấp, phụ cấp tại tháng liền kề trước tháng dừng hưởng chế độ (được chuyển đổi theo mức hưởng tương ứng tại thời điểm thực hiện chế độ hỗ trợ theo quy định của Chính phủ). A, C, D nêu trên được áp dụng thống nhất trong các công thức tính hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại điểm b, c, d khoản này;

b) Đối với đối tượng đã từ trần: Thân nhân đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định này được hưởng chế độ hỗ trợ tính từ thời điểm (tháng, năm) dừng hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp hằng tháng đến thời điểm (tháng, năm) đối tượng từ trần. Cách tính như sau: A = (G - C) x D; trong đó: G là thời điểm (tháng, năm) đối tượng từ trần;

c) Đối với con đẻ, con nuôi hợp pháp của liệt sĩ được hưởng chế độ hỗ trợ tính từ thời điểm (tháng, năm) dừng hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng đến thời điểm tháng liền kề trước tháng sinh của năm đủ 18 tuổi. Cách tính như sau: A = (I - C) x D; trong đó: I là thời điểm (tháng, năm) liền kề trước tháng sinh của năm đủ 18 tuổi;

d) Đối tượng đã được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này khi từ trần, thân nhân đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định nay được hưởng chế độ hỗ trợ; thời gian tính hưởng chế độ hỗ trợ lần này được tính từ tháng sau liền kề tháng, năm có quyết định hưởng chế độ hỗ trợ lần trước, đến thời điểm (tháng, năm) đối tượng từ trần. Cách tính như sau: A = (G - K) x D; trong đó: K là tháng, năm liền kề sau tháng, năm có quyết định hưởng chế độ hỗ trợ một lần quy định tại điểm a khoản này.

2. Đối tượng quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này:

a) Được hưởng chế độ hỗ trợ, mức hưởng được tính theo số năm thực tế tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế, dân công hỏa tuyến (gọi chung là thời gian công tác). Cụ thể như sau:

- Từ đủ 2 năm công tác trở xuống, mức hỗ trợ bằng 4.000.000 đồng;

- Trên 2 năm, thì từ năm thứ 3 trở đi mỗi năm được cộng thêm 1.500.000 đồng.

Trường hợp đã từ trần trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thân nhân đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định này được hỗ trợ một lần bằng 6.000.000 đồng.

b) Thời gian tính hưởng chế độ:

- Đối tượng là quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như quân nhân là tổng thời gian công tác thực tế trong quân đội, công an, cơ yếu (trừ thời gian đi lao động hợp tác quốc tế). Các đối tượng còn lại là thời gian trực tiếp tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu trong khoảng thời gian và địa bàn quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này;

- Trường hợp, một người có thời gian tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế và tham gia dân công hỏa tuyến thuộc các nhóm đối tượng khác nhau quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này hoặc có thời gian công tác giai đoạn thì được cộng dồn. Trừ thời gian đã được tính hưởng chế độ trợ cấp một lần hoặc hằng tháng theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định của Chính phủ (Phụ lục I kèm theo Nghị định này);

- Thời gian tính hưởng chế độ hỗ trợ một lần nếu có tháng lẻ thì đủ 06 tháng trở lên được tính bằng một năm, dưới 06 tháng được tính bằng 1/2 năm.

3. Đối tượng quy định tại khoản 1, đồng thời thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này thì được hưởng cả chế độ hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 5. Một số chế độ đãi ngộ khác

1. Đối tượng quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này, khi có quyết định hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại Nghị định này, được cấp "Giấy chứng nhận" người tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế.

Đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này, không được cấp "Giấy chứng nhận" nêu trên.

2. Trường hợp về nước định cư:

Đối tượng đã được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định này, kể từ tháng về nước định cư, được hưởng chế độ bảo hiểm y tế như đối tượng người có công với cách mạng, cựu chiến binh theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế; khi từ trần người lo mai táng được hưởng trợ cấp mai táng phí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội hiện hành.

Điều 6. Hồ sơ giải quyết chế độ hỗ trợ

1. Đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này, hồ sơ gồm:

a) 01 bản khai của đối tượng theo Mẫu số 1A (bản chính) hoặc bản khai của thân nhân đối tượng (đối với đối tượng từ trần) theo Mẫu số 1B (bản chính) tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy tờ gốc hoặc giấy tờ có liên quan (bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu[2]) chứng minh thuộc đối tượng là người có công với cách mạng hoặc thân nhân liệt sỹ đã hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp hằng tháng nhưng dừng hưởng chế độ;

c) Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng minh nhân thân của đối tượng;

d) Đối với đối tượng đã từ trần có thêm giấy tờ sau: Giấy chứng tử hoặc giấy tờ chứng minh đối tượng đã từ trần (bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu[3]).

---

[2] Cụm từ "hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở trong nước hoặc ở nước ngoài" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[3] Cụm từ "hoặc bản sao có chứng thực của Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2

2. Trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định này, hồ sơ gồm:

a) 01 bản khai của thân nhân đối tượng theo Mẫu số 1C (bản chính) tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Quyết định đã hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định này.[4]

3. Đối tượng quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này, hồ sơ gồm:

a) 01 bản khai của đối tượng theo Mẫu số 2A (bản chính) hoặc bản khai của thân nhân đối tượng (đối với đối tượng đã từ trần hoặc thân nhân ở trong nước được đối tượng ủy quyền) theo Mẫu số 2B (bản chính) tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy tờ gốc hoặc giấy tờ có liên quan (bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu[5]) chứng minh là người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế hoặc dân công hỏa tuyến;

c) Trường hợp thân nhân ở trong nước được ủy quyền lập hồ sơ, nhận chế độ, có thêm giấy ủy quyền của đối tượng (bản chính) có xác nhận của Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài;

d) Đối với đối tượng đã từ trần có thêm giấy tờ như đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

Điều 7. Thẩm quyền và quy trình, trách nhiệm giải quyết chế độ hỗ trợ

1. Thẩm quyền giải quyết chế độ hỗ trợ:

a) Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh):

Ra quyết định hưởng chế độ hỗ trợ đối với đối tượng quy định tại khoản 1

Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[4] Cụm từ "bản sao có chứng thực của Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[5] Cụm từ "hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở trong nước hoặc ở nước ngoài" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Điều 2; khoản 3 Điều 4 Nghị định này; tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ[6] đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí; thực hiện chi trả chế độ hỗ trợ đối với đối tượng hoặc thân nhân đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết.

b) Đối với Bộ Quốc phòng:

Ra quyết định hưởng chế độ hỗ trợ, ký "Giấy chứng nhận" đối với đối tượng quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này; tổng hợp, đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí; thực hiện chi trả chế độ và cấp "Giấy chứng nhận" đối với đối tượng hoặc thân nhân đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết.

2. Quy trình, trách nhiệm giải quyết chế độ hỗ trợ

a) Đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này không ủy quyền cho thân nhân ở trong nước lập hồ sơ, nhận chế độ hỗ trợ:

Đối tượng hoặc thân nhân đối tượng (đối với đối tượng từ trần) nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 6 Nghị định này cho Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc Cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài nơi đối tượng cư trú.

Trường hợp, nước sở tại có tổ chức Hội Cựu chiến binh hoặc Hội người Việt Nam ở nước ngoài (gọi chung là tổ chức hội) được Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ghi nhận thì đối tượng hoặc thân nhân đối tượng nộp hồ sơ cho tổ chức hội nêu trên ở nơi cư trú. Tổ chức hội tiếp nhận, tổng hợp chuyển hồ sơ (kèm theo danh sách đối tượng) về Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài;

Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ do đối tượng hoặc thân nhân đối tượng hoặc tổ chức hội chuyển đến, tổ chức rà soát, tổng hợp, chuyển hồ sơ (kèm theo danh sách đối tượng) về Cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài;

Cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài, có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền tiếp nhận hồ sơ của đối tượng hoặc thân nhân đối tượng hoặc do Cơ quan đại diện lãnh sự hoặc tổ chức hội chuyển đến (sau đây gọi chung là tổ chức và cá nhân).

Trong thời gian 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức và cá nhân chuyển đến (theo từng đợt), hoàn thành việc tổng hợp, rà soát phân loại hồ sơ đối tượng đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ theo nhóm đối tượng và địa bàn cư trú trước khi đi định cư ở nước ngoài hoặc trước khi hoạch định biên giới Quốc

---

[6] Cụm từ "Lao động - Thương binh và Xã hội" được thay thế bằng cụm từ "Nội vụ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

gia; lập danh sách theo Mẫu số 3 hoặc Mẫu số 3A, công văn đề nghị giải quyết chế độ hỗ trợ theo Mẫu số 2 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; chuyển hồ sơ của đối tượng hoặc thân nhân đối tượng (bao gồm cả danh sách và công văn đề nghị) về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trực tiếp quản lý đối tượng trước khi đi định cư ở nước ngoài (qua Sở Nội vụ[7]) hoặc về Bộ Quốc phòng qua Cục Chính sách - Xã hội[8], Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam (sau đây được viết tắt là Cục Chính sách - Xã hội[9], Tổng cục Chính trị) theo thẩm quyền giải quyết chế độ hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này;

Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, đơn vị thuộc quyền tiếp nhận hồ sơ do Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài chuyển đến. Theo từng đợt, trong thời gian 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hoàn thành việc xét duyệt, thẩm định ra quyết định hỗ trợ theo Mẫu số 4 (kèm theo danh sách đối tượng Mẫu 3B hoặc Mẫu 3C) và ký "Giấy chứng nhận" theo Mẫu số 6 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết quy định tại khoản 1 Điều này.

b)[10] Đối với đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 2 Nghị định này ủy quyền cho thân nhân ở trong nước lập hồ sơ, nhận chế độ hỗ trợ:

Người được ủy quyền nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này cho Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi người được ủy quyền thường trú;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền tiếp nhận hồ sơ do người được ủy quyền chuyển đến. Theo từng đợt, trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, tổ chức hội nghị xét duyệt; hoàn thiện hồ sơ cho từng đối tượng có đủ điều kiện

---

[7] Cụm từ "Lao động - Thương binh và Xã hội" được thay thế bằng cụm từ "Nội vụ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[8] Cụm từ "Cục Chính sách" được thay thế bằng cụm từ "Cục Chính sách - Xã hội" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[9] Cụm từ "Cục Chính sách" được thay thế bằng cụm từ "Cục Chính sách - Xã hội" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[10] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

hưởng chế độ (mỗi đối tượng 01 bộ); lập biên bản hội nghị xét duyệt theo Mẫu số 5, công văn đề nghị theo Mẫu số 2, danh sách đối tượng theo Mẫu số 3C tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh qua Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, hoàn thành việc xét duyệt, tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đối tượng, làm công văn đề nghị theo Mẫu số 2, danh sách đối tượng theo Mẫu số 3C tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, kèm theo hồ sơ đối tượng (mỗi đối tượng 01 bộ), báo cáo Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Quân khu qua Cục Chính trị quân khu.

Cục Chính trị quân khu, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh báo cáo, hoàn thành việc thẩm định, trình Thủ trưởng Bộ Tư lệnh ra quyết định hưởng chế độ hỗ trợ, ký "Giấy chứng nhận" đối với các đối tượng; lưu trữ mỗi đối tượng 01 bộ hồ sơ;

Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội chỉ đạo Cục Chính trị, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, hoàn thành việc thẩm định, trình Thủ trưởng Bộ Tư lệnh ra quyết định hưởng chế độ hỗ trợ, ký "Giấy chứng nhận" đối với các đối tượng; lưu trữ mỗi đối tượng 01 bộ hồ sơ.

Điều 8. Hồ sơ, quy trình, trách nhiệm cấp thẻ bảo hiểm y tế; giải quyết trợ cấp mai táng phí

Hồ sơ, quy trình, trách nhiệm cấp thẻ bảo hiểm y tế; giải quyết trợ cấp mai táng phí đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này, được thực hiện tương tự theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội hiện hành đối với người có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế ở trong nước.

Điều 9. Phương thức chi trả chế độ hỗ trợ và cấp "Giấy chứng nhận"; nguồn kinh phí thực hiện

1. Phương thức chi trả chế độ hỗ trợ, cấp "Giấy chứng nhận":

Khi có thông báo bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ của Bộ Tài chính, theo thẩm quyền giải quyết chế độ đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này, thực hiện như sau:

a) Đối với các trường hợp không ủy quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định này

- Bộ Quốc phòng (Cục Chính sách - Xã hội[11], Tổng cục Chính trị) hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Nội vụ[12]) làm thủ tục chuyển kinh phí hỗ trợ vào tài khoản của Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài, kèm theo quyết định hỗ trợ, "Giấy chứng nhận và danh sách đối tượng được hưởng chế độ; đồng thời, chuyển quyết định kèm theo danh sách đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ đến Bộ Ngoại giao để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chế độ đối với các đối tượng;

- Theo từng đợt, trong thời gian 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ kinh phí hỗ trợ, quyết định hỗ trợ, "Giấy chứng nhận" và danh sách đối tượng được hưởng chế độ do Bộ Quốc phòng hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chuyển đến Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan ở nước ngoài tổ chức chi trả chế độ hỗ trợ và trao "Giấy chứng nhận" cho đối tượng hoặc thân nhân đối tượng; theo từng đợt, hoàn thiện bảng kê danh sách chi trả có ký nhận chế độ hỗ trợ của từng đối tượng hoặc thân nhân đối tượng (trường hợp chi trả chế độ hỗ trợ qua tài khoản cá nhân đối tượng hoặc thân nhân đối tượng hoặc chuyển qua đường bưu điện thì kèm theo chứng từ chuyển tiền của cơ quan có thẩm quyền) gửi về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách - Xã hội[13], Tổng cục Chính trị) hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Nội vụ[14]) để thanh quyết toán theo quy định.

b) Đối với các trường hợp ủy quyền cho thân nhân ở trong nước quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định này, theo từng đợt, trong thời gian 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ kinh phí, quyết định hỗ trợ, "Giấy chứng nhận" và danh sách đối tượng được hưởng chế độ của cấp có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp xã[15] hoàn thành việc chi trả chế độ, trao "Giấy chứng nhận" cho thân

---

[11] Cụm từ "Cục Chính sách" được thay thế bằng cụm từ "Cục Chính sách - Xã hội" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[12] Cụm từ "Lao động - Thương binh và Xã hội" được thay thế bằng cụm từ "Nội vụ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[13] Cụm từ "Cục Chính sách" được thay thế bằng cụm từ "Cục Chính sách - Xã hội" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[14] Cụm từ "Lao động - Thương binh và Xã hội" được thay thế bằng cụm từ "Nội vụ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[15] Cụm từ "Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện" được thay thế bằng cụm từ "Ủy ban

nhân đối tượng; hoàn thiện thủ tục, hồ sơ thanh quyết toán theo quy định.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Kinh phí chi trả chế độ hỗ trợ cho các đối tượng quy định tại Điều 4 Nghị định này do ngân sách trung ương bảo đảm;

b) Kinh phí thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, trợ cấp mai táng phí đối với đối tượng về nước định cư quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này do ngân sách địa phương bảo đảm;

c) Kinh phí bảo đảm cho công tác tiếp nhận, xét duyệt, thẩm định hồ sơ; chuyển hồ sơ từ nước ngoài về nước, từ trong nước ra nước ngoài; chi phí chuyển tiền ra nước ngoài và chi trả chế độ hỗ trợ quy định tại Điều 4 Nghị định này bằng 4% tổng kinh phí chi trả chế độ hỗ trợ cho đối tượng do ngân sách trung ương bảo đảm;

d) Kinh phí bảo đảm đối với các Đoàn công tác đi công tác nước ngoài thực hiện nhiệm vụ triển khai, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng theo quy định tại Nghị định này, được chi trong nguồn chi thường xuyên hằng năm của Bộ Quốc phòng.

đ) Kinh phí chi trả chế độ hỗ trợ đối với các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định này thuộc diện không ủy quyền cho thân nhân ở trong nước được quy đổi bằng đồng Đô la Mỹ (USD) với tỷ giá tương ứng tại thời điểm Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí chi trả chế độ hỗ trợ cho đối tượng.

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức xét duyệt, thẩm định, ra quyết định hưởng chế độ hỗ trợ, chi trả chế độ hỗ trợ và cấp "Giấy chứng nhận" đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định này bảo đảm chặt chẽ, kịp thời, chính xác, đúng đối tượng, chính sách;

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương tổ chức kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định này; giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện. Trường hợp quá thẩm quyền báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ[16] có trách nhiệm chỉ đạo ngành Nội vụ[17] các địa

---

nhân dân cấp xã" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[16] Cụm từ "Lao động - Thương binh và Xã hội" được thay thế bằng cụm từ "Nội vụ" theo

phương tổ chức xét duyệt, thẩm định, ra quyết định hưởng chế độ hỗ trợ, chi trả chế độ hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này; hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí đối với đối tượng về nước định cư theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

3. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao có trách nhiệm chỉ đạo các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài tổ chức tuyên truyền, phổ biến, triển khai tổ chức thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng; ký xác nhận giấy ủy quyền đối với các trường hợp ủy quyền cho thân nhân ở trong nước lập hồ sơ, nhận chế độ hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm hằng năm, bố trí ngân sách để thực hiện chế độ hỗ trợ và kinh phí bảo đảm cho công tác chi trả chế độ quy định tại Nghị định này theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch[18] và các bộ, ngành có liên quan theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao, có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền; phối hợp thực hiện các chế độ, chính sách đối với các đối tượng quy định tại Nghị định này.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng và địa phương thuộc quyền tổ chức xét duyệt, thẩm định, ra quyết định hưởng chế độ hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này; tổ chức thực hiện chặt chẽ, chính xác, kịp thời, đúng chế độ, chính sách đối với các đối tượng khi về nước định cư theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

7. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên; các tổ chức hội có liên quan tăng cường tuyên truyền, vận động và giám sát việc triển khai, tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đối với các đối tượng quy định tại Nghị định này.

---

quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[17] Cụm từ "Lao động - Thương binh và Xã hội" được thay thế bằng cụm từ "Nội vụ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[18] Cụm từ "Bộ Thông tin và Truyền thông" được thay thế bằng cụm từ "Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

8. Người có hành vi làm sai lệch hoặc giả mạo hồ sơ để hưởng chế độ hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải hoàn trả số tiền đã nhận; bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Hiệu lực thi hành[19]

---

[19] Điều 5 và Điều 6 của Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

*"**Điều 5. Hiệu lực thi hành***

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ

a) Thay thế cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" bằng cụm từ "Bộ Nội vụ" tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ; khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 11/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ;

b) Thay thế cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ; điểm b khoản 4 Điều 2, điểm a và điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 19/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ quy định biện pháp thi hành chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyển ngành, công nhân và viên chức quốc phòng thôi việc theo quy định của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

c) Bãi bỏ, thay thế cụm từ sau:

Bãi bỏ cụm từ "Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cơ yếu về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu.

Thay thế cụm từ "Cơ yếu cấp huyện" bằng cụm từ "Cơ yếu cấp xã" tại Bảng 3: Tiêu chuẩn diện tích một số công trình công cộng và phụ trợ khác trong doanh trại tại Danh mục số 03 Tiêu chuẩn diện tích ở tập thể, làm việc, sinh hoạt công cộng và một số công trình phụ trợ khác trong doanh trại ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP.

Thay thế cụm từ "Phòng Mã dịch điện mật cấp huyện và tương đương" bằng cụm từ "Cơ yếu cấp xã" tại Bảng 13: Tiêu chuẩn doanh cụ trong Phòng Mã dịch điện mật tại Danh mục số 04 Định mức tiêu chuẩn doanh cụ ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 9 năm 2018.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này đối với các đối tượng theo quy định.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ QUỐC PHÒNG

Số: 42/VBHN-BQP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2025

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Võ Minh Lương

Thay thế cụm "Cơ yếu cấp huyện và tương đương" bằng cụm từ "Cơ yếu cấp xã" tại Bảng 14: Tiêu chuẩn doanh cụ trong Phòng điện báo tại Danh mục số 04 Định mức tiêu chuẩn doanh cụ ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP.

d) Thay thế một số cụm từ sau:

Thay thế cụm từ "Sở Lao động - Thương binh và Xã hội" bằng cụm từ "Sở Nội vụ" tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

Thay thế cụm từ "Bảo hiểm xã hội địa phương" bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Bảo hiểm xã hội khu vực)" tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP.

3. Trường hợp các mẫu giấy tờ là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận của đối tượng chính sách trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà chưa giải quyết thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận."

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này."

Phụ lục I

CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VÀ NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI THAM GIA KHÁNG CHIẾN, CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ LÀM NHIỆM VỤ QUỐC TẾ

(Kèm theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)

1. Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công nhân viên quốc phòng tham gia kháng chiến chống Pháp đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ ngày 31 tháng 12 năm 1960 trở về trước.

2. Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước.

3. Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước.

4. Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương.

5. Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương.

6. Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương.

7. Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.

8. Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn

thành nhiệm vụ trong kháng chiến.

9. Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

10. Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế.

11. Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975./.

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC LOẠI MẪU BIỂU

(Kèm theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)

STT	TÊN MẪU
Mẫu số 1A	Bản khai cá nhân đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ
Mẫu số 1B	Bản khai thân nhân đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ
Mẫu số 1C	Bản khai thân nhân đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ
Mẫu số 2	Công văn đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ
Mẫu số 2A	Bản khai cá nhân đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ
Mẫu số 2B	Bản khai thân nhân đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ
Mẫu số 3	Danh sách người Việt Nam có công bị dừng hưởng chế độ phụ cấp, trợ cấp đang định cư ở nước ngoài (bao gồm cả đối tượng vừa là người có công vừa là người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế)
Mẫu số 3A	Danh sách người Việt Nam tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài
Mẫu số 3B	Danh sách người Việt Nam có công bị dừng hưởng chế độ phụ cấp, trợ cấp đang định cư ở nước ngoài (bao gồm cả đối tượng vừa là người có công vừa là người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế)
Mẫu số 3C	Danh sách người Việt Nam tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài
Mẫu số 4	Quyết định về việc thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người Việt Nam có công, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài
Mẫu số 5	Biên bản hội nghị xét duyệt, đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ
Mẫu số 6	Mẫu "Giấy chứng nhận" người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế

Mẫu số 1A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN
Đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ
theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ
(Áp dụng đối với người có công với cách mạng bị dừng hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng)

Họ và tên ..... Bí danh..... Nam, nữ.....

Ngày, tháng, năm sinh .../ ...../ ...; CMND/Mã định danh cá nhân/CCCD/CC/Hộ chiếu:[1] .....

Nơi cấp .....; Ngày, tháng, năm cấp ...../ ...../.....

Quốc tịch: .....

Quê quán: .....

Nơi[2] thường trú trước khi định cư ở nước ngoài:.....

.....

Chỗ ở hiện nay ở nước ngoài: .....

Thuộc đối tượng: (1).....; Tỷ lệ thương tật, bệnh tật (nếu có) .....

Được hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp hằng tháng đối với người có công với cách mạng hoặc thân nhân người có công với cách mạng theo Quyết định số ..... ngày ..... tháng..... năm .....; cơ quan ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp hằng tháng .....

Mức trợ cấp, phụ cấp hằng tháng được hưởng tại tháng liền kề tháng bị dừng hưởng chế độ .....

Thời gian đi định cư ở nước ngoài: Ngày ..... tháng..... năm.....

Thời gian bị dừng hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng: Ngày...tháng... năm.....

Ngoài chế độ trợ cấp hằng tháng nêu trên, trong thời gian ở trong nước đã được hưởng các chế độ gì sau đây: Hưu trí, mất sức lao động; trợ cấp một lần hoặc hằng tháng theo Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg; Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg; Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg; Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg; Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg; Quyết định số

---

[1] Cụm từ "Số CMTND (Hộ chiếu)" được thay thế bằng cụm từ "CMND/Mã định danh cá nhân/CCCD/CC/Hộ chiếu" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[2] Cụm từ "đăng ký hộ khẩu" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

40/2011/QĐ-TTg; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg; Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg, hoặc chưa được hưởng chính sách gì: .....

Các giấy tờ còn lưu giữ: .....

.....

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (2)

(Từ khi nhập ngũ, tuyển dụng đến khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành hoặc thời gian tham gia các tổ chức trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế)

Từ tháng, năm	**Đến tháng, năm**	**Cấp bậc, chức vụ, chức danh, nhiệm vụ được giao**	**Đơn vị (c,d,e,f); tên cơ quan, tổ chức**	**Địa bàn công tác (Xã, tỉnh[3])**

Tổng thời gian công tác thực tế là: .....năm.....tháng.

Thời gian trực tiếp tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế là .....năm.....tháng.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Ngày.... tháng..... năm .....

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ghi chú: (1) Ghi theo các nhóm đối tượng được quy định trong pháp luật về ưu đãi đối với người có công với cách mạng; thân nhân liệt sĩ.

(2) Phần này áp dụng kê khai đối với đối tượng vừa là người có công với cách mạng bị dừng hưởng chế độ, vừa thuộc đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế.

---

[3] Từ "huyện" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Mẫu số 1B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÂN NHÂN
Đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ
(Áp dụng đối với người có công bị dừng hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng đã từ trần)

1. Phần khai về thân nhân đối tượng

Họ và tên..... Bí danh..... Nam, nữ.....

Ngày, tháng, năm sinh...../...../.....; CMND/Mã định danh cá nhân/CCCD/CC/Hộ chiếu[4]: .....

Nơi cấp.....; Ngày, tháng, năm cấp:...../...../.....

Quốc tịch:.....

Quê quán::.....

Chỗ ở hiện nay ở nước ngoài::.....

Quan hệ với đối tượng kê khai dưới đây là:.....

2. Phần khai về đối tượng

Họ và tên.....Bí danh..... Nam, nữ.....

Ngày, tháng, năm sinh..../../....; (sống, chết); CMND/Mã định danh cá nhân/CCCD/CC/Hộ chiếu[5]: .....;

Nơi cấp .....; Ngày, tháng, năm cấp: ...../...../.....

Quốc tịch:.....

Quê quán:.....

Nơi[6] thường trú trước khi định cư ở nước ngoài:.....

Chỗ ở hiện nay ở nước ngoài:.....

---

[4] Cụm từ "Số CMTND (Hộ chiếu)" được thay thế bằng cụm từ "CMND/Mã định danh cá nhân/CCCD/CC/Hộ chiếu" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[5] Cụm từ "Số CMTND (Hộ chiếu)" được thay thế bằng cụm từ "CMND/Mã định danh cá nhân/CCCD/CC/Hộ chiếu" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[6] Cụm từ "đăng ký hộ khẩu" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Từ trần: Ngày....tháng..... năm..... tại:.....

Thuộc đối tượng: (1).....; Tỷ lệ thương tật, bệnh tật (nếu có).....

Được hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp hằng tháng đối với người có công với cách mạng hoặc thân nhân người có công với cách mạng theo Quyết định số ..... ngày ..... tháng ..... năm .....; cơ quan ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp hằng tháng.....

Mức trợ cấp, phụ cấp hằng tháng được hưởng tại tháng liền kề tháng bị dừng hưởng chế độ .....

Thời gian đi định cư ở nước ngoài: Ngày..... tháng..... năm.....

Thời gian bị dừng hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng: Ngày...tháng... năm.....

Ngoài chế độ trợ cấp hằng tháng nêu trên, trong thời gian ở trong nước đã được hưởng các chế độ gì sau đây: Hưu trí, mất sức lao động; trợ cấp một lần hoặc hằng tháng theo Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg; Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg; Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg; Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg; Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg; Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg; Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg, hoặc chưa được hưởng chính sách gì: .....

Các giấy tờ còn lưu giữ:.....

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (2)

(Từ khi nhập ngũ, tuyển dụng đến khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành hoặc thời gian tham gia các tổ chức trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế)

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Cấp bậc, chức vụ, chức danh, nhiệm vụ được giao	Đơn vị (c,d,e,f); tên cơ quan, tổ chức	Địa bàn công tác (Xã, tỉnh[7])

Tổng thời gian công tác thực tế là: .....năm .....tháng.

[7] Từ "huyện" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Thời gian trực tiếp tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế là .....năm .....tháng.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Ngày.... tháng..... năm .....
NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ghi chú: (1) Ghi theo các nhóm đối tượng được quy định trong pháp luật về ưu đãi đối với người có công với cách mạng; thân nhân liệt sĩ.

(2) Phần này áp dụng kê khai đối với đối tượng vừa là người có công với cách mạng bị dừng hưởng chế độ, vừa thuộc đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế.

Ý KIẾN ỦY QUYỀN VÀ CHỮ KÝ CỦA CÁC THÂN NHÂN CÒN LẠI CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐÃ TỪ TRẦN (NẾU CÓ)

Mẫu số 1C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÂN NHÂN
Đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ
(Áp dụng đối với thân nhân người có công với cách mạng đã hưởng chế độ hỗ trợ sau đó từ trần, quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP)

1. Phần khai về thân nhân đối tượng

Họ và tên ……..……Bí danh …… Nam, nữ……..

Ngày, tháng, năm sinh ……./ ……/…….; CMND/Mã định danh cá nhân/CCCD/CC/Hộ chiếu[8]: …….....

Nơi cấp…….. ; Ngày, tháng, năm cấp: ……/……/……...

Quốc tịch:……

Quê quán:……

Chỗ ở hiện nay ở nước ngoài:……

Quan hệ với đối tượng kê khai dưới đây là:……

2. Phần khai về đối tượng

Họ và tên……..Bí danh…….. Nam, nữ……

Ngày, tháng, năm sinh..../../....; (sống, chết); CMND/Mã định danh cá nhân/CCCD/CC/Hộ chiếu[9]: …….....

Nơi cấp ……...; Ngày, tháng, năm cấp: …/ …/…….....

Quốc tịch:……

Quê quán:……

Nơi[10] thường trú trước khi định cư ở nước ngoài:.....

Chỗ ở hiện nay ở nước ngoài:……

Từ trần: Ngày... .tháng…… năm…… tại:……

Thuộc đối tượng: (1)……

Đã được hưởng chế độ hỗ trợ đối với người Việt Nam có công với cách mạng bị dừng hưởng chế độ do định cư ở nước ngoài, theo Quyết định số……ngày…… tháng....năm……. ; nơi cấp…….....

Các giấy tờ còn lưu giữ:……

---

[8] Cụm từ "Số CMTND (Hộ chiếu)" được thay thế bằng cụm từ "CMND/Mã định danh cá nhân/CCCD/CC/Hộ chiếu" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[9] Cụm từ "Số CMTND (Hộ chiếu)" được thay thế bằng cụm từ "CMND/Mã định danh cá nhân/CCCD/CC/Hộ chiếu" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[10] Cụm từ "đăng ký hộ khẩu" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Ngày.... tháng..... năm .....
NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ghi chú: (1) Ghi theo các nhóm đối tượng được quy định trong pháp luật về ưu đãi đối với người có công với cách mạng; thân nhân liệt sĩ.

Mẫu số 2

…… **……(1)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……../…… V/v đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị định số ……/2018/NĐ-CP	*…. …., ngày….. tháng…. năm … … … …*

Kính gửi:……(2)

Căn cứ Nghị định số……/2018/NĐ-CP ngày ... tháng .... năm 2018 của Chính phủ quy định chế độ hỗ trợ và một số chế độ đãi ngộ khác đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài.

Căn cứ hồ sơ của đối tượng và đề nghị của…… (1), đề nghị ……(2) giải quyết chế độ hỗ trợ cho ……..đối tượng.

(Có danh sách kèm theo)

Đề nghị ……(2) xem xét giải quyết./.

…….. (3)
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Cấp đề nghị.
(2) Bộ Quốc phòng hoặc UBND cấp tỉnh hoặc cấp trên trực tiếp cấp đề nghị.
(3) Chức vụ người ký.

Mẫu số 2A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN
Đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ
(Áp dụng đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế không ủy quyền cho người ở trong nước kê khai, nhận chế độ)

Họ và tên..... Bí danh.....Nam, nữ.....

Ngày, tháng, năm sinh...../..... /..... ; CMND/Mã định danh cá nhân/CCCD/CC/Hộ chiếu[11]: .....

Nơi cấp..... ; Ngày, tháng, năm cấp...../...../.....

Quốc tịch: .....

Quê quán:.....

Nơi[12] thường trú trước khi định cư ở nước ngoài: .....

Chỗ ở hiện nay ở nước ngoài: .....

Vào Đảng CSVN:.....Chính thức:.....

Thuộc đối tượng: (1).....

Nhập ngũ, tuyển dụng, tham gia các tổ chức hoặc dân công hỏa tuyến: Tháng....năm....

Đơn vị khi nhập ngũ (c, d, e, f); cơ quan tuyển dụng hoặc tổ chức huy động tham gia dân công hỏa tuyến.....

Phục viên, xuất ngũ; chuyển ngành, thôi việc hoặc về địa phương: Tháng....năm.....

Tái ngũ: Tháng.....năm....., (đơn vị c, d, e, f) .....

Phục viên, xuất ngũ; chuyển ngành, thôi việc: tháng.....năm.....

Nơi về phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc hết nhiệm vụ:

Xã ..... tỉnh[13].....

---

[11] Cụm từ "Số CMTND (Hộ chiếu)" được thay thế bằng cụm từ "CMND/Mã định danh cá nhân/CCCD/CC/Hộ chiếu" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[12] Cụm từ "đăng ký hộ khẩu" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[13] Từ "huyện" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Nghề nghiệp sau khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc hết nhiệm vụ.....

Khi ở trong nước thuộc diện được hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động, bệnh binh hằng tháng hoặc chưa được hưởng chính sách gì.....

Các giấy tờ còn lưu giữ: .....

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

(Từ khi nhập ngũ, tuyển dụng đến khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành hoặc thời gian tham gia các tổ chức trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế)

Từ tháng, năm	**Đến tháng, năm**	**Cấp bậc, chức vụ, chức danh, nhiệm vụ được giao**	**Đơn vị (c,d,e,f); tên cơ quan, tổ chức tham gia**	**Địa bàn công tác (Xã, tỉnh[14])**

Tổng thời gian công tác thực tế là: .....năm..... tháng.

Thời gian trực tiếp tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế là .....năm..... tháng.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Ngày.... tháng..... năm .....
NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ghi chú: (1) Quân nhân, công an nhân dân, cơ yếu; công nhân, viên chức; chuyên gia; cán bộ xã, phường; thanh niên xung phong; dân quân tự vệ, du kích; dân công hỏa tuyến...

[14] Từ "huyện" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Mẫu số 2B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÂN NHÂN
Đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ *(Áp dụng đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đã từ trần hoặc ủy quyền cho người trong nước kê khai, nhận chế độ)*

1. Phần khai về thân nhân đối tượng hoặc người được ủy quyền

Họ và tên..... Bí danh..... Nam, nữ.....

Ngày, tháng, năm sinh...../...../.....; CMND/Mã định danh cá nhân/CCCD/CC/Hộ chiếu[15]: .....

Nơi cấp..... ; Ngày, tháng, năm cấp:...../...../.....

Quốc tịch: .....

Quê quán:.....

Nơi[16] thường trú (đối với người được ủy quyền ở trong nước): .....

.....

Chỗ ở hiện nay ở nước ngoài: .....

Quan hệ với đối tượng kê khai dưới đây là: .....

2. Phần khai về đối tượng

Họ và tên..... Bí danh..... Nam, nữ.....

Ngày, tháng, năm sinh...../...../.....; CMND/Mã định danh cá nhân/CCCD/CC/Hộ chiếu[17]: .....

Nơi cấp..... ; Ngày, tháng, năm cấp:...../...../.....

Quốc tịch: .....

Quê quán:.....

Nơi[18] thường trú trước khi định cư ở nước ngoài: .....

---

[15] Cụm từ "Số CMTND (Hộ chiếu)" được thay thế bằng cụm từ "CMND/Mã định danh cá nhân/CCCD/CC/Hộ chiếu" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[16] Cụm từ "đăng ký hộ khẩu" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[17] Cụm từ "Số CMTND (Hộ chiếu)" được thay thế bằng cụm từ "CMND/Mã định danh cá nhân/CCCD/CC/Hộ chiếu" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21tháng 7 năm 2025.

Chỗ ở hiện nay ở nước ngoài: .....

Từ trần: Ngày....tháng....năm.....; Nơi từ trần.....

Thuộc đối tượng: (1).....

Nhập ngũ, tuyển dụng, tham gia các tổ chức hoặc dân công hỏa tuyến: Tháng... năm .....

Đơn vị khi nhập ngũ (c, d, e, f); cơ quan tuyển dụng hoặc tổ chức huy động tham gia dân công hỏa tuyến.....

Phục viên, xuất ngũ; chuyển ngành, thôi việc hoặc về địa phương: Tháng.....năm .....

Tái ngũ: Tháng..... năm....., (đơn vị c, d, e, f) .....

Phục viên, xuất ngũ; chuyển ngành, thôi việc: Tháng..... năm .....

Nơi về phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc hết nhiệm vụ: Xã..... tỉnh[19].....

Nghề nghiệp sau khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc hết nhiệm vụ.....

Khi ở trong nước thuộc diện được hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động, bệnh binh hằng tháng hoặc chưa được hưởng chính sách gì.....

Các giấy tờ còn lưu giữ: .....

.....

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

(Từ khi nhập ngũ, tuyển dụng đến khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành hoặc thời gian tham gia các tổ chức trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế)

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Cấp bậc, chức vụ, chức danh, nhiệm vụ được giao	Đơn vị (c,d,e,f); tên cơ quan, tổ chức tham gia	Địa bàn công tác (Xã, tỉnh[20])

[18] Cụm từ "đăng ký hộ khẩu" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[19] Từ "huyện" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[20] Từ "huyện" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Tổng thời gian công tác thực tế là: ……năm…..tháng.

Thời gian trực tiếp tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế là ……năm ……..tháng.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Ngày.... tháng..... năm ……..
NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ghi chú: (1) Quân nhân, công an nhân dân, cơ yếu; công nhân, viên chức; chuyên gia; cán bộ xã, phường; thanh niên xung phong; dân quân tự vệ, du kích; dân công hỏa tuyến...

Ý KIẾN ỦY QUYỀN VÀ CHỮ KÝ CỦA CÁC THÂN NHÂN CÒN LẠI CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐÃ TỪ TRẦN (NẾU CÓ)

Mẫu số 3

……
……..(1)

DANH SÁCH NGƯỜI VIỆT NAM CÓ CÔNG BỊ DỪNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP, TRỢ CẤP ĐANG ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI (BAO GỒM CẢ ĐỐI TƯỢNG VỪA LÀ NGƯỜI CÓ CÔNG VỪA LÀ NGƯỜI THAM GIA KHÁNG CHIẾN, CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ LÀM NHIỆM VỤ QUỐC TẾ)

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ……. xét hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị định số ……../2018/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2018 của Chính phủ

(Kèm theo Công văn đề nghị số: ……ngày ... tháng.... năm ....của……..)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi[21] thường trú trước khi hoạch định biên giới Quốc gia	Nơi cư trú hiện nay ở nước ngoài	Sống (chết)	Ghi chú
I	**Người có công bị dừng hưởng chế độ**					
1						
2						
…						
II	**Người vừa là người có công vừa là người tham gia kháng chiến, chiến tranh BVTQ và làm nhiệm vụ quốc tế**					
1						
…						

- Tổng số đối tượng: ... (trong đó: Người có công bị dừng hưởng ...; người vừa là người có công vừa là người tham gia kháng chiến, chiến tranh BVTQ và làm nhiệm vụ quốc tế...).;

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH
(Ký tên, ghi rõ cấp bậc hoặc chức vụ)

…., ngày ....tháng....năm……
……..(2)
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Mẫu này dùng cho Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài gửi về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Nội vụ[22]);
- (1) Cấp đề nghị.
- (2) Chức vụ người ký.

---

[21] Cụm từ "đăng ký hộ khẩu" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[22] Cụm từ "Lao động - Thương binh và Xã hội" được thay thế bằng cụm từ "Nội vụ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Mẫu số 3A

……
……..(1)

DANH SÁCH NGƯỜI VIỆT NAM THAM GIA KHÁNG CHIẾN, CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ LÀM NHIỆM VỤ QUỐC TẾ ĐANG ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI
Đề nghị Bộ Quốc phòng xét hưởng chế độ hỗ trợ theo
Nghị định số …../2018/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2018 của Chính phủ
(Kèm theo Công văn đề nghị số: ……ngày .....tháng....năm ....của……)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi[23] thường trú trước khi định cư ở nước ngoài hoặc do hoạch định biên giới Quốc gia	Nơi cư trú hiện nay ở nước ngoài	Sống (chết)	Ghi chú
1						
2						
...						

- Tổng số đối tượng: ….

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH
(Ký tên, ghi rõ cấp bậc hoặc chức vụ)

…., ngày ....tháng....năm……
……..(2)
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Mẫu này dùng cho Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài gửi về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách-Xã hội[24], Tổng cục Chính trị);
- (1) Cấp đề nghị.
- (2) Chức vụ người ký.

---

[23] Cụm từ "đăng ký hộ khẩu" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[24] Cụm từ "Cục Chính sách" được thay thế bằng cụm từ "Cục Chính sách - Xã hội" ttheo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Mẫu số 3B

……
……(1)

DANH SÁCH NGƯỜI VIỆT NAM CÓ CÔNG BỊ DỪNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP, TRỢ CẤP ĐANG ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI (BAO GỒM CẢ ĐỐI TƯỢNG VỪA LÀ NGƯỜI CÓ CÔNG VỪA LÀ NGƯỜI THAM GIA KHÁNG CHIẾN, CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ LÀM NHIỆM VỤ QUỐC TẾ)

Được hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị định số ……/2018/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2018 của Chính phủ

(Kèm theo Công văn đề nghị số: ……ngày……tháng….năm ….của……)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi[25] thường trú trước khi hoạch định biên giới Quốc gia	Nơi cư trú hiện nay ở nước ngoài	Sống (chết)	Tổng thời gian được hưởng		Mức hỗ trợ (VN đồng)	Ghi chú
						Năm	tháng		
I	**Người có công dừng hưởng chế độ**								
1									
2									
…									
II	**Người vừa là người có công vừa là người tham gia kháng chiến, chiến tranh BVTQ và làm nhiệm vụ quốc tế**								
1									
2									
...									

- Tổng số đối tượng: ……..
- Tổng số tiền hỗ trợ ……

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH
(Ký tên, ghi rõ cấp bậc hoặc chức vụ)

….., ngày ….tháng….năm……
……(2)
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Mẫu này dùng cho cấp tỉnh trong xét duyệt, ra Quyết định hưởng chế độ.
- (1) Cấp đề nghị.
- (2) Chức vụ người ký.

[25] Cụm từ "đăng ký hộ khẩu" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Mẫu số 3C

……
……..(1)

DANH SÁCH NGƯỜI VIỆT NAM THAM GIA KHÁNG CHIẾN, CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ LÀM NHIỆM VỤ QUỐC TẾ ĐANG ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI

Được hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị định số …../2018/NĐ-CP ngày...tháng...năm…….. 2018 của Chính phủ

(Kèm theo Công văn đề nghị số: .....ngày tháng....năm ....của.....)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi[26] thường trú trước khi định cư ở nước ngoài hoặc hoạch định biên giới Quốc gia	Nơi cư trú hiện nay ở nước ngoài	Sống (chết)	Tổng thời gian được hưởng		Mức hỗ trợ (VN đồng)	Ghi chú
						Năm	tháng		
1									
2									
3									
...									

- Tổng số đối tượng: ……
- Tổng số tiền hỗ trợ……

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH
(Ký tên, ghi rõ cấp bậc hoặc chức vụ)

....., ngày ....tháng....năm……
……..(2)
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Mẫu này dùng chung từ cấp xã trở lên.
- (1) Cấp đề nghị.
- (2) Chức vụ người ký.

[26] Cụm từ "đăng ký hộ khẩu" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Mẫu số 4

…….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
…….(1)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/QĐ-……	…. ….., *ngày…..tháng….. năm… … … …*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người Việt Nam có công, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài

……..(1)

Căn cứ Nghị định số ……./2018/NĐ-CP ngày ...tháng....năm 2018 của Chính phủ quy định chế độ hỗ trợ và một số chế độ đãi ngộ khác đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài;

Theo đề nghị của .....(2).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay giải quyết chế độ hỗ trợ cho …….. đối tượng.

Là người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài.

Với số tiền hỗ trợ là……đồng.

(Bằng chữ:……)

(Danh sách kèm theo).

Điều 2. ……..(2) và các ông (bà) có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

	…… *(3)*
	(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- ……..;
- ……..;

Lưu: ……..

Ghi chú: (1) BTL quân khu hoặc BTL Thủ đô Hà Nội hoặc UBND cấp tỉnh hoặc Cục Chính sách-Xã hội[27], Tổng cục Chính trị.

(2) Chủ nhiệm Chính trị quân khu hoặc Cục Chính trị BTL Thủ đô Hà Nội hoặc Sở Nội vụ[28].

(3) Chức vụ người ký.

---

[27] Cụm từ "Cục Chính sách" được thay thế bằng cụm từ "Cục Chính sách - Xã hội" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[28] Cụm từ "Lao động - Thương binh và Xã hội" được thay thế bằng cụm từ "Nội vụ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Mẫu số 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... ., ngày.... tháng..... năm ... ...

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ
Xét duyệt, đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số..../2018/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2018 của Chính phủ

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm.....

Tại.....xã (phường)..... tỉnh [29] (thành phố)..... .....

Chúng tôi gồm:

1. Chủ trì Hội nghị: ..... Chức vụ.....
2. Đại diện Đảng ủy xã (Chi bộ): ..... Chức vụ.....
3. Đại diện ngành Nội vụ[30]: Chức vụ.....
4. Đại diện Hội Cựu chiến binh xã: ..... Chức vụ.....
5. Đại diện công an xã: ..... Chức vụ.....
6. Đại diện Ban Chỉ huy quân sự xã..... Chức vụ.....
7. Đại diện Mặt trận Tổ quốc: ..... Chức vụ.....
8. Trưởng thôn:.....

Thành phần khác được mời:

1. Đại diện chi Hội cựu chiến binh: .....
2. Đại diện .....
3. Đại diện .....

Đã họp để xem xét, đề nghị đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị định số ..../2018/NĐ-CP ngày.....tháng.....năm 2018 của Chính phủ.

Nhất trí đề nghị:

Ông (bà)..... Bí danh.....sống (chết).

Sinh năm:.....; từ trần ngày.....tháng.....năm.....

Quê quán:.....

---

[29] Từ "huyện (quận)" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

[30] Cụm từ "Lao động - Thương binh và Xã hội" được thay thế bằng cụm từ "Nội vụ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Nơi[31] thường trú trước khi định cư ở nước ngoài .....

.....

Nơi cư trú hiện nay ở nước ngoài.....

.....

Thuộc người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế được xét hưởng chế độ hỗ trợ, như sau:

- Thời gian được tính hưởng chế độ hỗ trợ là:.....năm.....tháng.

- Số tiền hỗ trợ là .....đồng (bằng chữ:. .....).

Các giấy tờ còn lưu giữ: .....

.....

.....

Đề nghị cấp trên xem xét và giải quyết chế độ cho ông (bà).....hoặc thân nhân của đối tượng (hoặc người được ủy quyền) là ông (bà) ..... được hưởng chế độ theo quy định.

Biên bản được lập thành....bản, các đại diện có mặt nhất trí cùng ký tên dưới đây:

Đại diện Đảng ủy xã *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Đại diện Cán bộ ngành Lao động - Thương binh và Xã hội** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Đại diện Ban Chỉ huy quân sự xã** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Chủ trì hội nghị** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
Đại diện Công an xã *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Đại diện Hội Cựu chiến binh** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Đại diện Mặt trận Tổ quốc** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Trưởng thôn** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

[31] Cụm từ "đăng ký hộ khẩu" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Mẫu số 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(1).....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Ông (bà): ..... Sinh năm: .....

Quê quán: .....

Trú quán: .....

Đã có thời gian tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế; được hưởng chế độ theo Nghị định số ...../2018/NĐ-CP ngày .....tháng.....năm 2018 của Chính phủ.

Ngày.....tháng.....năm 201.....

Quyết định hưởng chế độ số.....QĐ-.....ngày.....tháng.....năm 201.....

Ghi chú: *(1) Cấp ra quyết định (BTL Quân khu hoặc BTL Thủ đô Hà Nội hoặc Cục Chính sách - Xã hội, Tổng cục Chính trị QĐNDVN)*